

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/HS-ST
Ngày: 11-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Tú

Bà Lê Thị Phằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 908/2026/HSST-QĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức H**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 02/4/1966 tại: phường Q, tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: **Tổ B, khu phố A, phường Q, tỉnh Gia Lai**; CCCD số: 052066003291; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Đức P** (đã chết), con bà **Huỳnh Thị B** (đã chết); anh, chị, em ruột: Có 01 người; vợ: **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1970 (Sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn); con: 01 người, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân:

+ Ngày 20/6/1987, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

+ Ngày 06/12/1988, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

+ Ngày 24/10/1990, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tuyên phạt 45 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” và “Cướp tài sản công dân”.

+ Ngày 20/6/1991, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

+ Ngày 25, 26/7/1991, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

+ Ngày 21/10/1991, Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm và tổng hợp hình phạt các bản án tuyên phạt 13 năm 09 tháng tù. Đặc xá ngày 01/09/2000.

+ Ngày 28/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 16/6/2026 bị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2026 cho đến nay. Hiện, đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chùa H1, xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đức T1, sinh năm 1978 (Trụ trì pháp danh Thượng tọa Thích đồng Giải);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đình Đ, sinh năm 1952 (Pháp danh Thích Vạn N); nơi cư trú Thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ A, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;

2. Ông Trương Ngọc V, sinh năm 1989; nơi cư trú: Lô F N, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 10/5/2026, Lê Đức H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77L1-320.58 của bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970; trú tổ A, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai chở M (ở cùng xóm) đến ngã ba P để đón xe khách đi Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, H một mình điều khiển xe mô tô lưu thông trên Quốc lộ A đến cầu B, rẽ trái vào Quốc lộ A và đi đến Cải gia vi tự “H” thuộc thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai do ông Phan Đức T1, sinh năm 1978 làm chủ sở hữu.

Đến nơi, thấy cổng Cải gia vi tự đang mở, H điều khiển xe vào sân và dựng xe cạnh bộ bàn ghế đá. H đi vào bên trong, thấy cửa chính khép hờ nên dùng tay mở cửa đi vào khu vực thờ tự. Quan sát trên bàn thờ Phật có nhiều đồ thờ cúng, H phát hiện 01 chuông bằng đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, lấy chuông đồng mang ra vị trí dựng xe, kẹp vào бага giữa xe mô tô rồi điều khiển xe về nhà.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, H về đến nhà tại tổ A, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai. Ban đầu, H sử dụng chuông đồng để trồng lan và đặt trong hồ cá nhưng thấy

không phù hợp nên mang chuông đến bán tại tiệm phở liệu của ông **Trương Ngọc V**, sinh năm 1989; trú **lô F, đường N, tổ A, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai** với giá 480.000 đồng. Sau khi bán, **H** dùng 100.000 đồng đổ xăng, 50.000 đồng mua kẹo cho trẻ em trong xóm, số tiền còn lại 330.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Trong giai đoạn điều tra, **Lê Đức H** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTTHS ngày 20/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã A, tỉnh Gia Lai**, kết luận: 01 (một) cái chuông miệng hình tròn, đường kính nơi rộng nhất là 22,7 cm, chiều cao 17,5 cm, trọng lượng 2,95 kilogam, được làm bằng đồng, có trị giá 2.217.000 đồng.

- Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh G** tạm giữ trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 (một) chuông đồng đường kính nơi rộng nhất 22,7 cm, cao 17,5 cm, nặng 2,95 kg và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám bạc đen, biển kiểm soát 77L1-320.58.

Hiện còn tạm giữ: 01 (một) USB màu xám, phần thân USB có chữ “HP 2G” lưu trữ một đoạn video tên “CAM PHONG KHACH” ĐỊNH DẠNG MP4, thời lượng 53 giây, dung lượng 11,061 KB; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương, xanh lá cây, trắng, ở phía trước mũ có in hình chữ “S”, hai bên mũ có in hình chữ “Sapo”, phía sau mũ có in hình chữ “Sapo PHẦN MỀM QUẢN LÝ BÁN HÀNG”; 01 (một) áo thun màu xanh đậm; 01 (một) quần sọt lưng màu xanh đậm, hai bên ống quần có 2 túi hộp, hộp túi phía bên phải có một cái tem màu trắng; 01 (một) đôi dép tổ ong màu trắng.

- Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bản Cáo trạng số: 65/CT-VKSGLI-KV ngày 04/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo **Lê Đức H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo **Lê Đức H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Đức H** từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số: 64 ngày 16/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương, xanh lá cây, trắng, ở phía trước mũ có in hình chữ “S”, hai bên mũ có in hình chữ “Sapo”, phía sau mũ có in hình chữ “Sapo PHẦN MỀM QUẢN LÝ BÁN HÀNG”; 01 (một)

áo thun màu xanh đậm; 01 (một) quần sọt lưng màu xanh đậm, hai bên ống quần có 2 túi hộp, hộp túi phía bên phải có một cái tem màu trắng; 01 (một) đôi dép tổ ong màu trắng bị cáo không có nhu cầu nhận lại (không còn giá trị sử dụng) và tuyên tịch thu 01 (một) USB lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất nội dung Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh G**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy lời khai của họ đã được thu thập đầy đủ trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, vật chứng, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Ngày 10/5/2026, **Lê Đức H** lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu Cải gia vị tự “Hưng Thành” tại **thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai** đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) chuông đồng trị giá 2.217.000 đồng, sau đó mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội nhằm có tác dụng đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể:

- Ngày 20/6/1987, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn (cũ) tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Ngày 06/12/1988, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn (cũ) tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Ngày 24/10/1990, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn (cũ) tuyên phạt 45 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” và “Cướp tài sản công dân”.

- Ngày 20/6/1991, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Ngày 25, 26/7/1991, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (cũ) tuyên phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Ngày 21/10/1991, Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm và tổng hợp hình phạt các bản án tuyên phạt 13 năm 09 tháng tù. Đặc xá ngày 01/09/2000.

- Ngày 28/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 16/6/2026 bị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ...”. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

[8.1] Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương, xanh lá cây, trắng, ở phía trước mũ có in hình chữ “S”, hai bên mũ có in hình chữ “Sapo”, phía sau mũ có in

hình chữ “Sapo PHẦN MỀM QUẢN LÝ BÁN HÀNG”; 01 (một) áo thun màu xanh đậm; 01 (một) quần sọt lưng màu xanh đậm, hai bên ống quần có 2 túi hộp, hộp túi phía bên phải có một cái tem màu trắng; 01 (một) đôi dép tổ ong màu trắng là tài sản bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không có nhu cầu nhận lại và xét thấy không còn giá trị sử dụng, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[8.2] Đối với (một) USB màu xám, phần thân USB có chữ “HP 2G” lưu trữ một đoạn video tên “CAM PHONG KHACH” ĐỊNH DẠNG MP4, thời lượng 53 giây, dung lượng 11,061 KB có nội dung liên quan đến vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với ông **Trương Ngọc V** là người mua chiếc chuông đồng do **Lê Đức H** bán nhưng **V** không biết tài sản do **H** phạm tội mà có; bà **Huỳnh Thị T** không biết **Lê Đức H** sử dụng xe mô tô của mình để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với ông **Trương Ngọc V** và bà **Huỳnh Thị T** là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Đức H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Đức H** 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số: 64/2026/HS-ST ngày 16/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2026.

3. Về vật chứng vụ án:

3.1. Lưu vào hồ sơ vụ án (một) USB màu xám, phần thân USB có chữ “HP 2G” lưu trữ một đoạn video tên “CAM PHONG KHACH” ĐỊNH DẠNG MP4, thời lượng 53 giây, dung lượng 11,061 KB.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương, xanh lá cây, trắng, ở phía trước mũ có in hình chữ “S”, hai bên mũ có in hình chữ “Sapo”, phía sau mũ có in hình chữ “Sapo PHẦN MỀM QUẢN LÝ BÁN HÀNG”; 01 (một) áo thun màu xanh đậm; 01 (một) quần sọt lưng màu xanh đậm, hai bên ống quần có 2 túi hộp, hộp túi phía bên phải có một cái tem màu trắng; 01 (một) đôi dép tổ ong màu trắng

(Vật chứng vụ án hiện do Cơ quan cảnh sát điều tra **công an tỉnh G** đang lưu giữ tại kho vật chứng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo **Lê Đức H** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2, Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQTHAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai Phương